

Bản án số 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30.9.2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Công Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Phước Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 59/2022/TB-TA ngày 26 tháng 9 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Hiếu T - sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 73, phường H, quận C, TP. Đà Nẵng (*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình T - sinh năm 1975; nơi làm việc: Hợp tác xã giấy Đ, đường số 6, KCN H, quận L, TP. Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 17 tháng 5 năm 2022, Bản tự khai ngày 03 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Phạm Thị Hiếu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đình T tự nguyện kết hôn năm 2005; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, TP. Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở nhà của cha mẹ bà tại tổ 73, phường H, quận C, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp về tính tình, bất đồng về quan điểm sống, ông T không

tôn trọng bà, không cùng bà vun vén hạnh phúc gia đình. Cuộc sống hôn nhân rất bế tắc, không tìm được tiếng nói chung, mỗi người có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà và ông T đã ly thân hơn 2 năm nay. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà xác định bà và ông T có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Phạm Khánh Đ - sinh ngày 27 tháng 8 năm 2006 và Nguyễn Phạm Khánh N - sinh ngày 01 tháng 3 năm 2016. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ chia tài sản: Bà xác định bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Đình T không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật, phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Phạm Thị Hiếu T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn - ông Nguyễn Đình T vắng mặt lần hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị Hiếu T và ông Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông T, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông T không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà T trình bày là do vợ chồng không hợp về tính tình, bất đồng về quan điểm sống. Việc ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông T không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T đối với ông T, xử cho bà T được ly hôn với ông T.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 (Hai) con chung là Nguyễn Phạm Khánh Đ - sinh ngày 27 tháng 8 năm 2006 và Nguyễn Phạm Khánh N - sinh ngày 01 tháng 03 năm 2016.

Xét, ông T đã không thể hiện ý kiến được nuôi con. Căn cứ quyền lợi mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà T, xử giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi T niên (*Đủ 18 tuổi*) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về quan hệ chia tài sản: Bà T xác định bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị Hiếu T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Hiếu T đối với ông Nguyễn Đình T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà T được ly hôn với ông T.

* Về quan hệ nuôi con chung:

Xử: Giao 02 (Hai) con chung Nguyễn Phạm Khánh Đ - sinh ngày 27 tháng 8 năm 2006 và Nguyễn Phạm Khánh N - sinh ngày 01 tháng 03 năm 2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về quan hệ chia tài sản: Bà T xác định bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Phạm Thị Hiếu T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0005266 ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà Như đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường A, quận S, TP.Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy